1 Đổi đơn vị đo độ dài - 5A4





28cm = …….mm

105dm = ……cm

321 m = …….dm

1065cm = ……mm

234dam = …….m

305dm = …….mm

1/2dam = …….m

1/5km = …….dam

730m = …….dam

4500m = …….hm

3000cm = ……m

18000m = …….km

250m = …….dam

15000m= ……hm

10000mm=……m

5400m = …….hm



2km 345m= ……..m

1km 60m= …….m

3km 7m= ……m

7m 25cm= …….cm

2km 58m= ……m

1623mm= ….m……mm

3050cm = …..m……cm

2006 m = …..hm……m

165dm = ….m…..dm

2080m = ….km…..m

Lương Thị Lâm Uyên

LIVEWORKSHEETS